

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2010

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN Số:
Ngày:
Chuyên:

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các Điều 6, 7, 9 và 10 Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện:

1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động của mạng bưu chính công cộng, mạng chuyển phát

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không niêm yết giờ mở cửa phục vụ tại các bưu cục giao dịch, điểm phục vụ;

b) Không treo biển hiệu tại bưu cục giao dịch, điểm phục vụ, trụ sở chính của doanh nghiệp, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Không cung cấp công khai hoặc cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin liên quan về các dịch vụ đang cung cấp tại bưu cục giao dịch, điểm phục vụ;

d) Không mở cửa hoặc mở cửa bưu cục giao dịch, điểm phục vụ không đúng thời gian đã niêm yết;

đ) Không niêm yết hoặc niêm yết thiếu các thông tin về thời gian và số lần thu gom trong ngày trên thùng thư công cộng;

e) Không mở thùng thư công cộng theo số lần và thời gian đã niêm yết.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng phương tiện vận tải chuyên ngành bưu chính để vận chuyển hàng hóa, chờ người trái quy định hoặc sử dụng thiết bị bưu chính, các bưu cục, điểm phục vụ không đúng quy định;

b) Sử dụng màu sắc và biểu trưng trên phương tiện vận tải chuyên ngành bưu chính, thùng thư công cộng không đúng với mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Bưu chính Việt Nam không thực hiện đúng các quy định về mã bưu chính của Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Dịch chuyển trái phép vị trí các trang thiết bị, cơ sở vật chất của mạng bưu chính công cộng;

đ) Kinh doanh dịch vụ chuyển phát không có xác nhận thông báo hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Không thực hiện việc thông báo lại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ, giá cước, chất lượng dịch vụ, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại;

g) Không thực hiện việc tự công bố tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định;

h) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không đúng quy định thùng thư bưu chính tập trung tại các tòa nhà có từ 5 địa chỉ nhận thư độc lập trở lên.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đóng, mở các Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới không có quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Làm thay đổi trạng thái, làm hư hỏng hoặc mất tác dụng các trang thiết bị, cơ sở vật chất của mạng bưu chính công cộng;

c) Thiết lập và tổ chức hoạt động mạng bưu chính chuyên dùng không đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Bưu chính Việt Nam không ưu tiên vận chuyển và khai thác đối với túi, gói của mạng bưu chính chuyên dùng;

d) Sử dụng trái phép cụm từ “Bưu chính Việt Nam”.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 và điểm a, b khoản 3 của Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng các quyết định, quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, h khoản 2 của Điều này.”

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Xử phạt vi phạm hành chính về bảo đảm an toàn mạng bưu chính, mạng chuyên phát

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dấu ngày của Bưu cục, điểm phục vụ không đúng với thời gian, địa điểm cung cấp dịch vụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chậm phát thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa đến người sử dụng dịch vụ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kiểm tra trái pháp luật túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa đang trên đường vận chuyển;

b) Khám xét, thu giữ trái pháp luật túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hoá.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trì hoãn, khước từ hoặc có hành vi khác nhằm trốn tránh việc thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc huy động phương tiện, thiết bị bảo đảm vận chuyển tài liệu công văn, phục vụ các nhu cầu thông tin trong trường hợp khẩn cấp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Ngăn cản trái pháp luật việc khai thác, vận chuyển túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa;

c) Thực hiện không đúng các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong dịch vụ bưu chính, chuyển phát.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, chuyển phát không áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong kinh doanh dịch vụ.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, chuyển phát không phối hợp, đáp ứng các điều kiện cần thiết để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiến hành các biện pháp nghiệp vụ theo quy định.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi Bưu chính Việt Nam không áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin khi vận chuyển và khai thác túi, gói của mạng bưu chính chuyên dùng.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 của Điều này;

b) Buộc chấm dứt tình trạng gây cản trở đến hoạt động về bưu chính, chuyển phát do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 của Điều này;

c) Buộc thực hiện đúng các quyết định, quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, c khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 của Điều này.”

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Xử phạt vi phạm hành chính về cung ứng, sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không khai báo làm thủ tục cấp lại khi giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư hoặc giấy phép thử nghiệm dịch vụ chuyển phát thư, các dịch vụ khác trên mạng bưu chính công cộng bị mất, hư hỏng đến mức không còn rõ nội dung hoặc hết thời hạn sử dụng;

b) Kê khai phiếu gửi không đúng với nội dung bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa;

c) Làm hư hỏng thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa của người sử dụng dịch vụ;

d) Gửi vật phẩm, hàng hóa trong thư, ấn phẩm, học phẩm dùng cho người mù;

đ) Gửi thư trong bưu kiện, kiện, gói hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa thêm, trao đổi vật phẩm, hàng hóa trong bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa sau khi đã làm xong các thủ tục nhận gửi;

b) Ngăn cản trái pháp luật việc cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát;

c) Từ chối trái pháp luật việc cung ứng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát;

d) Gửi tiền Việt Nam, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại hối, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền nước ngoài trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa trong nước hoặc từ Việt Nam đi nước ngoài;

đ) Gửi tiền Việt Nam, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại hối, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền nước ngoài trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm mất thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa của người sử dụng dịch vụ;

b) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa từ Việt Nam đi nước ngoài những vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu vào nước nhận theo quy định của các nước;

c) Không công bố các phương án giải quyết, các biện pháp xử lý đối với những trường hợp thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa không phát được;

d) Không xây dựng, niêm yết quy trình giải quyết khiếu nại hoặc giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại không đúng quy định;

đ) Không tổ chức phát thư có khối lượng tới 500 gram thuộc dịch vụ bưu chính phổ cập tới địa chỉ nhận theo quy định;

e) Không xử lý hoặc xử lý thư, bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận không đúng quy định;

g) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa có chứa vật, chất làm mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ;

b) Ký hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ không đúng nội dung quy định.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung ứng hoặc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích không đúng quy định;

b) Không thực hiện đúng các quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với dịch vụ bưu chính công ích;

c) Cung ứng dịch vụ chuyển phát thư không đúng giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư;

d) Gửi hoặc nhận gửi trong bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa có chứa hàng hóa, vật phẩm thuộc danh mục gửi có điều kiện mà không thực hiện đúng các yêu cầu theo quy định của pháp luật;

đ) Sử dụng dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ chuyển phát nhằm mục đích đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự người khác;

e) Đại lý dịch vụ bưu chính, đại lý dịch vụ chuyển phát thư cung ứng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư không đúng loại hình dịch vụ đã giao kết trong hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ;

g) Đại lý dịch vụ chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài không có xác nhận việc đăng ký làm đại lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung ứng dịch vụ chuyên phát thư hoặc thử nghiệm dịch vụ không có giấy phép cung ứng dịch vụ chuyên phát thư hoặc giấy phép thử nghiệm dịch vụ;

b) Mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, sửa chữa giấy phép cung ứng dịch vụ chuyên phát thư, giấy phép thử nghiệm dịch vụ;

c) Gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa có chứa ấn phẩm, vật phẩm, hàng hóa mà Việt Nam cấm lưu thông, cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

d) Cung ứng dịch vụ thuộc phạm vi quản lý có điều kiện chuyên ngành khác mà không có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gửi hoặc nhận gửi trong thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa vật, chất gây cháy, gây nổ, gây nguy hiểm, văn hóa phẩm độc hại.

8. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyên phát nhằm mục đích tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh trật tự, an toàn xã hội mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Các hành vi lợi dụng bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa để kinh doanh hàng hóa cấm lưu thông, hàng hóa có nguồn gốc nhập lậu, hàng hóa cấm xuất khẩu hoặc nhập khẩu thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại để xử phạt.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b khoản 1; điểm a, đ khoản 2; điểm b, c khoản 6; khoản 7 và khoản 8 của Điều này;

b) Buộc rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 của Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc áp dụng những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3; điểm d khoản 5 của Điều này;

b) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3; điểm d khoản 5; khoản 7 và khoản 8 của Điều này;

c) Buộc thực hiện theo đúng các quy định và giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 3, khoản 4, điểm a, b, c, g khoản 5 của Điều này;

d) Buộc chấm dứt tình trạng gây cản trở đến việc cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chuyển phát đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 của Điều này.”

4. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng tem bưu chính

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tem bưu chính giả, tem bưu chính đã qua sử dụng, tem bưu chính in trên sách, báo, tạp chí hoặc các ấn phẩm khác để thanh toán cước;

b) Bàn tem bưu chính trong thời hạn phát hành không đúng giá mặt, trừ tem bưu chính đã có dấu hủy.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành tem bưu chính chưa có quyết định phát hành hoặc tem bưu chính đã có quyết định thu hồi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) In hình ảnh tem bưu chính trên các ấn phẩm tuyên truyền mà không dùng tem mẫu (tem bưu chính có chữ specimen), tem bưu chính đã có dấu hủy, tem bưu chính đã gạch chéo hủy ở góc hoặc tem bưu chính đã gạch hủy giá in trên mặt tem;

c) Sưu tập tem bưu chính đã bị cấm lưu hành nhằm mục đích tuyên truyền;

d) Kinh doanh, tàng trữ hoặc sưu tập tem bưu chính có nội dung không lành mạnh, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nhập khẩu tem bưu chính không đúng quy định;
- b) In tem bưu chính không đúng quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- c) Không thực hiện việc thu hồi, xử lý tem bưu chính đã hết thời hạn phát hành trên mạng bưu chính công cộng; tem bưu chính đã bị đình chỉ, đình bản;
- d) Sử dụng, sao chép một phần hoặc toàn bộ mẫu tem bưu chính đã được duyệt mà không có văn bản cho phép của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- a) Sản xuất, tàng trữ hoặc mua bán tem bưu chính giả;
- b) Kinh doanh, tàng trữ tem bưu chính đã bị cấm lưu hành;
- c) In tem bưu chính không có quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- d) In tem bưu chính không đảm bảo bảo mật theo quy định của Nhà nước.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, tàng trữ hoặc sưu tập tem bưu chính có nội dung kích động, gây thù hằn giữa các dân tộc.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, điểm a, b, d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 của Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi số tiền chênh lệch do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

b) Buộc thực hiện theo đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và điểm c, d khoản 3 của Điều này.”

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2010.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu. Văn thư, KTN (5b) N **190**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng